Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1977/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Bộ Giao thông vận tải.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Giao thông vận tải chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các Luật, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh cần thiết để thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Giao thông vận tải và các bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, KSTT (2b). 46

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Văn Thành

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN
Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải

(Kèm theo Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

Phần I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ

I. Ngành nghề kinh doanh 1: Dịch vụ đào tạo lái xe ô tô

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Xe thuộc sở hữu của cơ sở đào tạo lái xe. Có thể sử dụng xe hợp đồng thời hạn từ 01 năm trở lên với số lượng không vượt quá 50% số xe sở hữu cùng hạng tương ứng của cơ sở đào tạo đối với xe tập lái các hạng B1, B2, C, D, E; xe tập lái hạng FC có thể sử dụng xe hợp đồng với thời hạn và số lượng phù hợp với nhu cầu đào tạo. Riêng xe hạng B1, B2 có số tự động được sử dụng xe hợp đồng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi quy định điều kiện sở hữu về xe tập lái theo hướng "Xe tập lái thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo" và bỏ quy định "Có thể sử dụng xe hợp đồng thời hạn từ 01 năm trở lên với số lượng không vượt quá 50% số xe sở hữu cùng hạng tương ứng của cơ sở đào tạo đối với xe tập lái các hạng B1, B2, C, D, E; xe tập lái hạng FC có thể sử dụng xe hợp đồng với thời hạn và số lượng phù hợp với nhu cầu đào tạo. Riêng xe hạng B1, B2 có số tự động được sử dụng xe hợp đồng".

Lý do: Việc quy định xe tập lái thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo, không yêu cầu xe tập lái phải thuộc sở hữu của doanh nghiệp sẽ giảm được chi phí đầu tư, chi phí tuân thủ góp phần tạo thuận lợi cho các cơ sở đào tạo trong việc đáp ứng các điều kiện về xe tập lái khi tham gia hoạt động kinh doanh dịch vụ này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

II. Ngành nghề kinh doanh 2: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Đăng ký kinh doanh vận tải bằng ô tô theo quy định của pháp luật

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều yêu cầu điều kiện "Đăng ký kinh doanh vận tải bằng ô tô theo quy định của pháp luật".

Lý do: Đây là kỹ thuật dẫn chiếu, không phải là điều kiện kinh doanh

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Bảo đảm số lượng, chất lượng và niên hạn sử dụng của phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh; phương tiện kinh doanh vận tải phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản điều kiện này theo hướng bỏ quy định "Bảo đảm số lượng phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh".

Lý do: Đây là trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải phải đảm bảo số lượng phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp, do đó sẽ trao quyền tự chủ cho doanh nghiệp trong việc quyết định quy mô của doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

3. Yêu cầu, điều kiện 3: Có nơi đỗ xe phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm yêu cầu về trật tự, an toàn, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều kiện "Có nơi đỗ xe phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm yêu cầu về trật tự, an toàn, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường".

Lý do: Quy định này là trách nhiệm của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động phải thực hiện đảm bảo phù hợp với thực tế hoạt động vận tải của đơn vị, khi đó đơn vị kinh doanh vận tải chỉ bố trí vị trí đỗ cố định cho những phương tiện ít hoạt động hoặc khi phương tiện bị hư hỏng, bảo dưỡng sửa chữa; việc này tăng tính chủ động cho đơn vị, tránh lãng phí do bắt buộc phải bố trí nơi đỗ xe đối với các trường hợp tần suất hoạt động của phương tiện lớn, đồng thời việc bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường thực hiện theo pháp luật về phòng chống cháy nổ và pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

4. Yêu cầu, điều kiện 4: Bảo đảm số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe phù hợp với phương án kinh doanh và phải có hợp đồng lao động bằng văn bản; nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn nghiệp vụ kinh doanh vận tải, an toàn giao thông; không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều kiện "Bảo đảm số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe phù hợp với phương án kinh doanh và phải có hợp đồng lao động bằng văn bản; nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn nghiệp vụ kinh doanh vận tải, an toàn giao thông; không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật".

Lý do:

- Hợp đồng lao động sẽ được điều tiết theo Bộ luật Lao động.

- Việc tập huấn cho nhân viên phục vụ trên xe và sử dụng lái xe đang trong thời kì bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật là trách nhiệm của doanh nghiệp không phải điều kiện, yêu cầu kinh doanh.

- Nội dung "không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật" chuyển sang Điều quy định những hành vi bị nghiêm cấm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

5. Yêu cầu, điều kiện 5: Đăng ký tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách với cơ quan có thẩm quyền và phải niêm yết công khai

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều kiện "Đăng ký tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách với cơ quan có thẩm quyền và phải niêm yết công khai".

Lý do: Đây là trách nhiệm của doanh nghiệp phải đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ tối thiểu do Bộ Giao thông vận tải quy định trong quá trình hoạt động kinh doanh vận tải để đảm bảo quyền lợi của hành khách và tạo nên một mặt bằng chung về chất lượng dịch vụ, không quy định thành yêu cầu, điều kiện. Việc thực hiện tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ do doanh nghiệp tự điều tiết và thị trường quyết định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

III. Ngành nghề kinh doanh 3: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Đăng ký kinh doanh vận tải bằng ô tô theo quy định của pháp luật

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều yêu cầu điều kiện "Đăng ký kinh doanh vận tải bằng ô tô theo quy định của pháp luật".

Lý do: Đây là kỹ thuật dẫn chiếu, không phải là điều kiện kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Bảo đảm số lượng, chất lượng và niên hạn sử dụng của phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh; phương tiện kinh doanh vận tải phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản điều kiện này theo hướng bỏ quy định "Bảo đảm số lượng phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh".

Lý do: Đây là trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải phải đảm bảo số lượng phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp, do đó sẽ trao quyền tự chủ cho doanh nghiệp trong việc quyết định quy mô của doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

3. Yêu cầu, điều kiện 3: Có nơi đỗ xe phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm yêu cầu về trật tự, an toàn, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều kiện "Có nơi đỗ xe phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm yêu cầu về trật tự, an toàn, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường".

Lý do: Quy định này là trách nhiệm của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động phải thực hiện đảm bảo phù hợp với thực tế hoạt động vận tải của đơn vị, khi đó đơn vị kinh doanh vận tải chỉ bố trí vị trí đỗ cố định cho những phương tiện ít hoạt động hoặc khi phương tiện bị hư hỏng, bảo dưỡng sửa chữa; việc này tăng tính chủ động cho đơn vị, tránh lãng phí do bắt buộc phải bố trí nơi đỗ xe đối với các trường hợp tần suất hoạt động của phương tiện lớn, đồng thời việc bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường thực hiện theo pháp luật về phòng chống cháy nổ và pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

4. Yêu cầu, điều kiện 4: Bảo đảm số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe phù hợp với phương án kinh doanh và phải có hợp đồng lao động bằng văn bản; nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn nghiệp vụ kinh doanh vận tải, an toàn giao thông; không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều kiện "Bảo đảm số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe phù hợp với phương án kinh doanh và phải có hợp đồng lao động bằng văn bản; nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn nghiệp vụ kinh doanh vận tải, an toàn giao thông; không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật".

Lý do:

- Hợp đồng lao động sẽ được điều tiết theo Bộ luật Lao động.

- Việc tập huấn cho nhân viên phục vụ trên xe và sử dụng lái xe đang trong thời kì bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật là trách nhiệm của doanh nghiệp không phải điều kiện, yêu cầu kinh doanh.

- Nội dung "không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật" chuyển sang Điều quy định những hành vi bị nghiêm cấm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

5. Yêu cầu, điều kiện 5: Đăng ký tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách với cơ quan có thẩm quyền và phải niêm yết công khai

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều kiện "Đăng ký tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách với cơ quan có thẩm quyền và phải niêm yết công khai".

Lý do: Đây là trách nhiệm của doanh nghiệp phải đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ tối thiểu do Bộ Giao thông vận tải quy định trong quá trình hoạt động kinh doanh vận tải để đảm bảo quyền lợi của hành khách và tạo nên một mặt bằng chung về chất lượng dịch vụ, không quy định thành yêu cầu, điều kiện. Việc thực hiện tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ do doanh nghiệp tự điều tiết và thị trường quyết định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

IV. Ngành nghề kinh doanh 4: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Đăng ký kinh doanh vận tải bằng ô tô theo quy định của pháp luật

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều yêu cầu điều kiện "Đăng ký kinh doanh vận tải bằng ô tô theo quy định của pháp luật".

Lý do: Đây là kỹ thuật dẫn chiếu - không phải là điều kiện kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Bảo đảm số lượng, chất lượng và niên hạn sử dụng của phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh; phương tiện kinh doanh vận tải phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản điều kiện này theo hướng bỏ quy định "Bảo đảm số lượng phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh".

Lý do: Đây là trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải phải đảm bảo số lượng phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp, do đó sẽ trao quyền tự chủ cho doanh nghiệp trong việc quyết định quy mô của doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

3. Yêu cầu, điều kiện 3: Có nơi đỗ xe phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm yêu cầu về trật tự, an toàn, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều kiện "Có nơi đỗ xe phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm yêu cầu về trật tự, an toàn, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường".

Lý do: Quy định này là trách nhiệm của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động phải thực hiện đảm bảo phù hợp với thực tế hoạt động vận tải của đơn vị, khi đó đơn vị kinh doanh vận tải chỉ bố trí vị trí đỗ cố định cho những phương tiện ít hoạt động hoặc khi phương tiện bị hư hỏng, bảo dưỡng sửa chữa; việc này tăng tính chủ động cho đơn vị, tránh lãng phí do bắt buộc phải bố trí nơi đỗ xe đối với các trường hợp tần suất hoạt động của phương tiện lớn, đồng thời việc bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường thực hiện theo pháp luật về phòng chống cháy nổ và pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

4. Yêu cầu, điều kiện 4: Bảo đảm số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe phù hợp với phương án kinh doanh và phải có hợp đồng lao động bằng văn bản; nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn nghiệp vụ kinh doanh vận tải, an toàn giao thông; không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều kiện "Bảo đảm số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe phù hợp với phương án kinh doanh và phải có hợp đồng lao động bằng văn bản; nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn nghiệp vụ kinh doanh vận tải, an toàn giao thông; không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật"

Lý do:

- Hợp đồng lao động sẽ được điều tiết theo Bộ luật Lao động.

- Việc tập huấn cho nhân viên phục vụ trên xe và sử dụng lái xe đang trong thời kì bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật là trách nhiệm của doanh nghiệp không phải điều kiện, yêu cầu kinh doanh.

- Nội dung "không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật" chuyển sang Điều quy định những hành vi bị nghiêm cấm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

5. Yêu cầu, điều kiện 5: Đăng ký tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách với cơ quan có thẩm quyền và phải niêm yết công khai

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều kiện "Đăng ký tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách với cơ quan có thẩm quyền và phải niêm yết công khai".

Lý do: Đây là trách nhiệm của doanh nghiệp phải đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ tối thiểu do Bộ Giao thông vận tải quy định trong quá trình hoạt động kinh doanh vận tải để đảm bảo quyền lợi của hành khách và tạo nên một mặt bằng chung về chất lượng dịch vụ, không quy định thành yêu cầu, điều kiện. Việc thực hiện tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ do doanh nghiệp tự điều tiết và thị trường quyết định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

V. Ngành nghề kinh doanh 5: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, vận tải hành khách du lịch bằng xe ô tô

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Đăng ký kinh doanh vận tải bằng ô tô theo quy định của pháp luật.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều yêu cầu điều kiện "Đăng ký kinh doanh vận tải bằng ô tô theo quy định của pháp luật".

Lý do: Đây là kỹ thuật dẫn chiếu - không phải là điều kiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Bảo đảm số lượng, chất lượng và niên hạn sử dụng của phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh; phương tiện kinh doanh vận tải phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản điều kiện này theo hướng bỏ quy định "Bảo đảm số lượng phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh".

Lý do: Đây là trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải phải đảm bảo số lượng phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp, do đó sẽ trao quyền tự chủ cho doanh nghiệp trong việc quyết định quy mô của doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

3. Yêu cầu, điều kiện 3: Có nơi đỗ xe phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm yêu cầu về trật tự, an toàn, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều kiện "Có nơi đỗ xe phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm yêu cầu về trật tự, an toàn, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường".

Lý do: Quy định này là trách nhiệm của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động phải thực hiện đảm bảo phù hợp với thực tế hoạt động vận tải của đơn vị, khi đó đơn vị kinh doanh vận tải chỉ bố trí vị trí đỗ cố định cho những phương tiện ít hoạt động hoặc khi phương tiện bị hư hỏng, bảo dưỡng sửa chữa; việc này tăng tính chủ động cho đơn vị, tránh lãng phí do bắt buộc phải bố trí nơi đỗ xe đối với các trường hợp tần suất hoạt động của phương tiện lớn, đồng thời việc bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường thực hiện theo pháp luật về phòng chống cháy nổ và pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

4. Yêu cầu, điều kiện 4: Bảo đảm số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe phù hợp với phương án kinh doanh và phải có hợp đồng lao động bằng văn bản; nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn nghiệp vụ kinh doanh vận tải, an toàn giao thông; không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều kiện "Bảo đảm số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe phù hợp với phương án kinh doanh và phải có hợp đồng lao động bằng văn bản; nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn nghiệp vụ kinh doanh vận tải, an toàn giao thông; không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật".

Lý do:

- Hợp đồng lao động sẽ được điều tiết theo Bộ luật Lao động.

- Việc tập huấn cho nhân viên phục vụ trên xe và sử dụng lái xe đang trong thời kì bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật là trách nhiệm của doanh nghiệp không phải điều kiện, yêu cầu kinh doanh.

- Nội dung "không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật" chuyển sang Điều quy định những hành vi bị nghiêm cấm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

VI. Ngành nghề kinh doanh 6: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Đăng ký kinh doanh vận tải bằng ô tô theo quy định của pháp luật

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều yêu cầu điều kiện "Đăng ký kinh doanh vận tải bằng ô tô theo quy định của pháp luật".

Lý do: Đây là kỹ thuật dẫn chiếu, không phải là điều kiện kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Bảo đảm số lượng, chất lượng và niên hạn sử dụng của phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh; phương tiện kinh doanh vận tải phải gắn thiết bị giám sát hành trình của xe

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản điều kiện này theo hướng bỏ quy định "Bảo đảm số lượng phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh".

Lý do: Đây là trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải phải đảm bảo số lượng phương tiện phù hợp với hình thức kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp, do đó sẽ trao quyền tự chủ cho doanh nghiệp trong việc quyết định quy mô của doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

3. Yêu cầu, điều kiện 3: Có nơi đỗ xe phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm yêu cầu về trật tự, an toàn, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều kiện "Có nơi đỗ xe phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, bảo đảm yêu cầu về trật tự, an toàn, phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường".

Lý do: Quy định này là trách nhiệm của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động phải thực hiện đảm bảo phù hợp với thực tế hoạt động vận tải của đơn vị, khi đó đơn vị kinh doanh vận tải chỉ bố trí vị trí đỗ cố định cho những phương tiện ít hoạt động hoặc khi phương tiện bị hư hỏng, bảo dưỡng sửa chữa; việc này tăng tính chủ động cho đơn vị, tránh lãng phí do bắt buộc phải bố trí nơi đỗ xe đối với các trường hợp tần suất hoạt động của phương tiện lớn, đồng thời việc bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường thực hiện theo pháp luật về phòng chống cháy nổ và pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

4. Yêu cầu, điều kiện 4: Bảo đảm số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe phù hợp với phương án kinh doanh và phải có hợp đồng lao động bằng văn bản; nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn nghiệp vụ kinh doanh vận tải, an toàn giao thông; không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều kiện "Bảo đảm số lượng lái xe, nhân viên phục vụ trên xe phù hợp với phương án kinh doanh và phải có hợp đồng lao động bằng văn bản; nhân viên phục vụ trên xe phải được tập huấn nghiệp vụ kinh doanh vận tải, an toàn giao thông; không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật".

Lý do:

- Hợp đồng lao động sẽ được điều tiết theo Bộ luật Lao động.

- Việc tập huấn cho nhân viên phục vụ trên xe và sử dụng lái xe đang trong thời kì bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật là trách nhiệm của doanh nghiệp không phải điều kiện, yêu cầu kinh doanh.

- Nội dung "không được sử dụng người lái xe đang trong thời kỳ bị cấm hành nghề theo quy định của pháp luật" chuyển sang Điều quy định những hành vi bị nghiêm cấm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

VII. Ngành nghề kinh doanh 7: Vận tải đường bộ Việt - Trung

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép loại A, E hoặc giấy phép loại B, C, F, G lần đầu trong năm (mã thủ tục hành chính: 2.001034)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp các loại giấy tờ sau: Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách và kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành nghề vận tải bằng xe ô tô đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa khác (bản sao chụp); bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (không áp dụng với giấy phép loại D). Các thông tin về các loại giấy tờ này sẽ yêu cầu doanh nghiệp cung cấp trong đơn đề nghị cấp phép.

Lý do: Thông tin về đăng ký doanh nghiệp có thể có được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp; thông tin về đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô có thể tra cứu được trên cơ sở dữ liệu của Tổng cục Đường bộ Việt Nam; thông tin về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới có thể tra cứu trên hệ thống quản lý phương tiện của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Việc đơn giản hóa hồ sơ và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước sẽ giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Hiện nay, phương án đơn giản hóa này đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới (đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 10009/TTR-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2021).

- Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành sẽ xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại Giấy phép vận tải loại A, B, C, D, E, F, G (mã thủ tục hành chính: 1.002357)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp các loại giấy tờ sau: Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách và kinh doanh vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh ngành nghề vận tải bằng xe ô tô đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hóa khác (bản sao chụp); bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (không áp dụng với giấy phép loại D). Các thông tin về các loại giấy tờ này sẽ yêu cầu doanh nghiệp cung cấp trong đơn đề nghị cấp phép.

Lý do: Thông tin về đăng ký doanh nghiệp có thể có được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp; thông tin về đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô có thể tra cứu được trên cơ sở dữ liệu của Tổng cục Đường bộ Việt Nam; thông tin về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới có thể tra cứu trên hệ thống quản lý phương tiện của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Việc đơn giản hóa hồ sơ và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước sẽ giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Hiện nay, phương án đơn giản hóa này đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới (đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 10009/TTR-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2021).

- Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành sẽ xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Giấy phép vận tải cho xe công vụ (mã số thủ tục hành chính: 1.002426)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Lý do: Thông tin về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới có thể tra cứu trên hệ thống quản lý phương tiện của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Việc đơn giản hóa hồ sơ và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước sẽ giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Hiện nay, phương án đơn giản hóa này đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới (đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 10009/TTR-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2021).

- Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành sẽ xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 23/2012/TT-BGTVT ngày 29 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Hiệp định, Nghị định thư về vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

VIII. Ngành nghề kinh doanh 8: Vận tải đường bộ Việt - Lào

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào cho doanh nghiệp, hợp tác xã của Việt Nam (mã thủ tục hành chính: 1.002861)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định phải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề vận tải bằng xe ô tô (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định chưa cần phải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô). Các thông tin về các loại giấy tờ này sẽ yêu cầu doanh nghiệp cung cấp trong đơn đề nghị cấp phép.

Lý do: Thông tin về đăng ký doanh nghiệp có thể có được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp; thông tin về đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô có thể tra cứu được trên cơ sở dữ liệu của Tổng cục Đường bộ Việt Nam; thông tin về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới có thể tra cứu trên hệ thống quản lý phương tiện của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Việc đơn giản hóa hồ sơ và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước sẽ giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Hiện nay, phương án đơn giản hóa này đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới (đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 10009/TTR-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2021).

- Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành sẽ xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện (mã thủ tục hành chính: 1.002856)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp: bản sao giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào; bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với

phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định). Các thông tin về các loại giấy tờ này sẽ yêu cầu doanh nghiệp cung cấp trong đơn đề nghị cấp phép.

Lý do: Thông tin về giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào có thể tra cứu được trên cơ sở dữ liệu của Tổng cục Đường bộ Việt Nam; thông tin về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới có thể tra cứu trên hệ thống quản lý phương tiện của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Việc đơn giản hóa hồ sơ hành chính và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước sẽ giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Hiện nay, phương án đơn giản hóa này đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới (đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 10009/TTR-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2021).

- Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành sẽ xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Lộ trình thực hiện: giai đoạn 2021 - 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào cho doanh nghiệp, hợp tác xã của Việt Nam (mã thủ tục hành chính: 1.002859).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp: bản sao giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào; bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định). Các thông tin về các loại giấy tờ này sẽ yêu cầu doanh nghiệp cung cấp trong đơn đề nghị cấp phép.

- Không yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã phải nộp lại Giấy phép hết hạn hoặc hư hỏng nộp về Tổng cục Đường bộ Việt Nam cùng với hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép.

Lý do: Thông tin về cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào có thể tra cứu được trên cơ sở dữ liệu của Tổng cục Đường bộ Việt Nam; thông tin về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới có thể tra cứu trên hệ thống quản lý phương tiện của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Việc đơn giản hóa hồ sơ hành chính và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước sẽ giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Hiện nay, phương án đơn giản hóa này đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới (đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 10009/TTR-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2021).

- Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành sẽ xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện (mã thủ tục hành chính: 1.002852)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp: bản sao giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào; bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, văn bản chấp thuận khai thác tuyến, văn bản thay thế phương tiện hoặc văn bản bổ sung phương tiện của cơ quan quản lý tuyến và hợp đồng đón trả khách tại bến xe ở Việt Nam và Lào (đối với phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định). Các thông tin về các loại giấy tờ này sẽ yêu cầu doanh nghiệp cung cấp trong đơn đề nghị cấp phép.

- Không yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã phải nộp lại Giấy phép hết hạn hoặc hư hỏng nộp về Tổng cục Đường bộ Việt Nam cùng với hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép.

Lý do: Thông tin về cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào có thể tra cứu được trên cơ sở dữ liệu của Tổng cục Đường bộ Việt Nam; thông tin về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới có thể tra cứu trên hệ thống quản lý phương tiện của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Việc đơn giản

hóa hồ sơ hành chính và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước sẽ giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Hiện nay, phương án đơn giản hóa này đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới (đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 10009/TTR-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2021).

- Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành sẽ xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

5. Thủ tục hành chính 5: Chấp thuận đăng ký khai thác vận tải hành khách tuyến cố định Việt - Lào (mã số thủ tục hành chính: 1.002847)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào. Các thông tin về giấy tờ này sẽ yêu cầu doanh nghiệp cung cấp trong đơn đề nghị cấp phép.

Lý do: Thông tin về cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế Việt - Lào có thể tra cứu được trên cơ sở dữ liệu của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Việc đơn giản hóa hồ sơ hành chính và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước sẽ giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Hiện nay, phương án đơn giản hóa này đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới (đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 10009/TTR-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2021).

- Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành sẽ xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện

cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

IX. Ngành nghề kinh doanh 9: Vận tải đường bộ Việt Nam - Campuchia

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép vận tải đường bộ Việt Nam – Campuchia (mã số thủ tục hành chính: 1.000302)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp:

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định phải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký ngành nghề vận tải bằng xe ô tô (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định chưa cần phải có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô). Các thông tin về các loại giấy tờ này sẽ yêu cầu doanh nghiệp cung cấp trong đơn đề nghị cấp phép.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã trong 3 năm liên tiếp gần nhất được cơ quan tài chính địa phương hoặc đơn vị kiểm toán xác nhận.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu văn bằng của người điều hành vận tải và hợp đồng lao động với doanh nghiệp, hợp tác xã (trừ trường hợp người điều hành vận tải là một trong các chức danh sau: Giám đốc doanh nghiệp, Giám đốc hợp tác xã, Chủ tịch hội đồng quản trị hợp tác xã, Chủ nhiệm hợp tác xã).

- Bản đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải hành khách (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải hành khách).

Lý do:

- Thông tin về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan cấp giấy phép có thể có được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp; thông tin về đăng ký kinh doanh vận tải bằng xe ô tô có thể tra cứu được trên cơ sở dữ liệu của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Việc đơn giản hóa hồ sơ hành chính và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước sẽ giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Điều 9 Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 đã bị bãi bỏ bởi Điều 2 Thông tư số 47/2019/TT-BGTVT, theo đó các quy định về điều kiện mà doanh nghiệp, hợp tác xã phải đáp ứng khi cấp giấy phép kinh doanh vận tải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Hiện nay, phương án đơn giản hóa này đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới (đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 10009/TTR-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2021).

- Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành sẽ xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia (mã số thủ tục hành chính: 1.001023)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Thông tin về các loại giấy tờ này sẽ yêu cầu doanh nghiệp cung cấp trong đơn đề nghị cấp phép.

Lý do: Thông tin về Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới có thể tra cứu trên hệ thống quản lý phương tiện của Cục Đăng kiểm Việt Nam. Việc đơn giản hóa hồ sơ hành chính và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước sẽ giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Hiện nay, phương án đơn giản hóa này đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới (đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 10009/TTR-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2021).

- Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành sẽ xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 39/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thi hành một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

X. Ngành nghề kinh doanh 10: Vận tải đường bộ Việt Nam - Lào - Campuchia

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép liên vận Campuchia - Lào - Việt Nam (mã số thủ tục hành chính: 1.002877)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Thông tin về các loại giấy tờ này sẽ yêu cầu doanh nghiệp cung cấp trong đơn đề nghị cấp phép.

Lý do: Thông tin về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan cấp giấy phép có thể có được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp, thông tin về cấp giấy phép kinh doanh vận tải, chấp thuận khai thác tuyến có thể kiểm tra trên hệ thống quản lý vận tải của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Việc đơn giản hóa hồ sơ hành chính và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước sẽ giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Hiện nay, phương án đơn giản hóa này đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới (đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 10009/TTR-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2021).

- Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành sẽ xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại Giấy phép liên vận Campuchia - Lào - Việt Nam (mã số thủ tục hành chính: 1.002869)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ: Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với đơn vị kinh doanh vận tải bằng xe ô tô không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu). Các thông tin về các loại giấy tờ này sẽ yêu cầu doanh nghiệp cung cấp trong đơn đề nghị cấp phép.

- Không yêu cầu Giấy phép cũ hoặc Giấy phép hư hỏng nộp về cơ quan cấp Giấy phép.

Lý do: Thông tin về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan cấp giấy phép có thể có được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp, thông tin về cấp giấy phép kinh doanh vận tải có thể kiểm tra trên hệ thống quản lý vận tải của Tổng cục Đường bộ Việt Nam. Việc đơn giản hóa hồ sơ hành chính và đơn giản thủ tục sẽ giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Hiện nay, phương án đơn giản hóa này đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới (đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 10009/TTR-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2021).

- Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành sẽ xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 63/2013/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

XI. Ngành nghề kinh doanh 11: Vận tải đường bộ GMS

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế cho doanh nghiệp, hợp tác xã (mã số thủ tục hành chính: 1.002829)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ:

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định phải có giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề vận tải bằng xe ô tô (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định chưa cần phải có giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô). Các thông tin về các loại giấy tờ này sẽ yêu cầu doanh nghiệp cung cấp trong đơn đề nghị cấp phép.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải của doanh nghiệp, hợp tác xã (chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định chưa cần phải có giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô).

- Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã trong 03 năm liên tiếp gần nhất được cơ quan tài chính địa phương hoặc đơn vị kiểm toán xác nhận.

Lý do:

- Thông tin về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan cấp giấy phép có thể có được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp, thông tin về cấp giấy phép kinh doanh vận tải có thể kiểm tra trên hệ thống quản lý vận tải của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

- Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 52/2019/TT-BGTVT, theo đó không đặt ra các điều kiện về tỷ lệ vốn, tỷ lệ nhân viên, độ tin cậy, trình độ chuyên môn đối với doanh nghiệp khi đề nghị cấp phép vận tải đường bộ GMS.

b) Kiến nghị thực thi:

- Hiện nay, phương án đơn giản hóa này đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới (đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 10009/TTR-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2021).

- Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành sẽ xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Công mở rộng (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 89/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế cho doanh nghiệp, hợp tác xã (mã số thủ tục hành chính: 1.002823)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ:

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định phải có giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô) hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề vận tải bằng xe ô tô (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định chưa cần phải có giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô). Các thông tin về các loại giấy tờ này sẽ yêu cầu doanh nghiệp cung cấp trong đơn đề nghị cấp phép.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ của người trực tiếp điều hành vận tải của doanh nghiệp, hợp tác xã (chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định chưa cần phải có giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô).

- Báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã trong 03 năm liên tiếp gần nhất được cơ quan tài chính địa phương hoặc đơn vị kiểm toán xác nhận.

- Không yêu cầu Giấy phép cũ hết hạn phải nộp trả cơ quan cấp phép.

Lý do:

- Thông tin về đăng ký doanh nghiệp, cơ quan cấp giấy phép có thể có được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp, thông tin về cấp giấy phép kinh doanh vận tải có thể kiểm tra trên hệ thống quản lý vận tải của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

- Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 52/2019/TT-BGTVT, theo đó không đặt ra các điều kiện về tỷ lệ vốn, tỷ lệ nhân viên, độ tin cậy, trình độ chuyên môn đối với doanh nghiệp khi đề nghị cấp phép vận tải đường bộ GMS.

- Đơn giản hóa hồ sơ hành chính và đơn giản thủ tục sẽ giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Hiện nay, phương án đơn giản hóa này đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới (đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 10009/TTR-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2021).

- Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành sẽ xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Công mở rộng (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 89/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện của các doanh nghiệp, hợp tác xã (mã số thủ tục hành chính: 1.002817)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ:

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Lý do: Thông tin về cấp giấy phép vận tải quốc tế GMS có thể kiểm tra trên hệ thống quản lý vận tải của Tổng cục Đường bộ Việt Nam; thông tin về giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới có thể tra cứu trên hệ thống quản lý phương tiện của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi:

- Hiện nay, phương án đơn giản hóa này đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới (đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 10009/TTR-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2021).

- Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành sẽ xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Công mở rộng (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 89/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ GMS cho phương tiện của các doanh nghiệp, hợp tác xã (mã số thủ tục hành chính: 1.002805)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp các giấy tờ:

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Không yêu cầu Giấy phép hết hạn, hư hỏng nộp về cơ quan cấp phép cùng với hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép vận tải đường bộ GMS.

Lý do:

- Thông tin về cấp giấy phép vận tải quốc tế GMS có thể kiểm tra trên hệ thống quản lý vận tải của Tổng cục Đường bộ Việt Nam; thông tin về giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới có thể tra cứu trên hệ thống quản lý phương tiện của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Đơn giản hóa hồ sơ hành chính và đơn giản thủ tục sẽ giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Hiện nay, phương án đơn giản hóa này đã được thể hiện tại dự thảo Nghị định quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới (đã trình Chính phủ tại Tờ trình số 10009/TTR-BGTVT ngày 24 tháng 9 năm 2021).

- Sau khi Nghị định được Chính phủ ban hành sẽ xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 29/2009/TT-BGTVT ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hóa qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Công mở rộng (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 89/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

XII. Ngành nghề kinh doanh 12: Kinh doanh dịch vụ đào tạo thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ

1. Thủ tục hành chính 1: Chấp thuận cơ sở đào tạo Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (mã số thủ tục hành chính: 1.001666)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến và bãi bỏ thành phần hồ sơ "Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ hoặc Quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu)".

Lý do: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp và giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2016/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại chấp thuận cơ sở đào tạo Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (mã số thủ tục hành chính: 1.001706)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến và bãi bỏ thành phần hồ sơ "Giấy chấp thuận cũ, đối với

trường hợp bị hư hỏng", tổ chức, cá nhân khi nhận kết quả qua đường bưu điện sẽ nộp lại Giấy chấp thuận bị hư hỏng.

Lý do: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp và giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2016/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (mã số thủ tục hành chính: 1.001692)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến và điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Lý do: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp và giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2016/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp lại Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (mã số thủ tục hành chính: 1.001717)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến và bãi bỏ thành phần hồ sơ "Chứng chỉ cũ, đối với trường hợp bị hư hỏng", tổ chức, cá nhân khi nhận kết quả qua đường bưu điện sẽ nộp lại Chứng chỉ bị hư hỏng.

Lý do: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp và giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2016/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp đổi Chứng chỉ Thẩm tra viên an toàn giao thông đường bộ (mã số thủ tục hành chính: 1.001725)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo đó bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến và điện tử hóa mẫu đơn, tờ khai, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Lý do: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp và giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 64/2016/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

Phần II. LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG

I. Ngành nghề kinh doanh 1: Kinh doanh cảng hàng không, sân bay

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép kinh doanh cảng hàng không (mã số thủ tục hành chính: 1.004682)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng:

- Không yêu cầu nộp bản sao chứng chỉ nhân viên, thay bằng danh sách nhân viên có chứng chỉ phù hợp.

Lý do: Đơn giản hóa hồ sơ hành chính và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước nhằm giảm bớt chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng bỏ yêu cầu nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể tra cứu thông tin doanh nghiệp từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp. Đơn giản hóa hồ sơ hành chính và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước. Giảm bớt chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại Giấy phép kinh doanh cảng hàng không (mã số thủ tục hành chính: 1.004674)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Không yêu cầu nộp bản sao chứng chỉ nhân viên, thay bằng danh sách nhân viên có chứng chỉ phù hợp.

Lý do: Đơn giản hóa hồ sơ hành chính và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước, giảm bớt chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng bỏ yêu cầu nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có thể tra cứu thông tin doanh nghiệp từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp. Đơn giản hóa hồ sơ hành chính và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước. Giảm bớt chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4

Lý do: Giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia kinh doanh vận tải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về khai thác cảng hàng không, sân bay.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

II. Ngành nghề kinh doanh 2: Kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay

Quy định về thủ tục hành chính

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (mã số thủ tục hành chính: 1.000452)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng bãi bỏ thành phần hồ sơ "Bản chính văn bản xác nhận vốn" trong hồ sơ; đồng thời cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng điện tử hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Lý do: Đơn giản hóa hồ sơ hành chính và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời việc lên dịch vụ công mức độ 4 sẽ giảm bớt chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện lĩnh vực hàng không dân dụng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (mã số thủ tục hành chính: 1.000465)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng bãi bỏ thành phần hồ sơ "Bản chính văn bản xác nhận vốn" trong hồ sơ; đồng thời cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng điện tử hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Lý do: Đơn giản hóa hồ sơ hành chính và giảm số lượng văn bản người dân, doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời việc lên dịch vụ công mức độ 4 sẽ giảm bớt chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện lĩnh vực hàng không dân dụng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

Quy định về yêu cầu, điều kiện

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Điều kiện về vốn tối thiểu

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản điều kiện về vốn tối thiểu theo hướng không yêu cầu trong quá trình kinh doanh phải duy trì mức vốn dư tối thiểu là 30 tỷ đồng.

Lý do: Việc không yêu cầu phải duy trì mức vốn dư tối thiểu là 30 tỷ đồng sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận thị trường, linh động sử dụng nguồn vốn trong quá trình kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện lĩnh vực hàng không dân dụng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

III. Ngành nghề kinh doanh 3: Kinh doanh dịch vụ thiết kế, sản xuất, bảo dưỡng hoặc thử nghiệm tàu bay, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị tàu bay tại Việt Nam

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp lại Giấy phép và năng định cho nhân viên bảo dưỡng tàu bay (AMT) (mã số thủ tục hành chính: 1.003894)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan quản lý nhà nước giúp hạn chế tình trạng gián đoạn hiệu lực giấy phép của người lao động trong khi thực hiện nhiệm vụ tại cảng hàng không, sân bay. Doanh nghiệp khai thác tối đa nguồn lực nhân viên hàng không.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại giấy phép và năng định cho nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS) (mã số thủ tục hành chính: 1.004372)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan quản lý nhà nước giúp hạn chế tình trạng gián đoạn hiệu lực giấy phép của người lao động trong khi thực hiện nhiệm vụ tại cảng hàng không, sân bay. Doanh nghiệp khai thác tối đa nguồn lực nhân viên hàng không.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025

3. Thủ tục hành chính 3: Gia hạn năng định cho nhân viên bảo dưỡng tàu bay (AMT)/nhân viên sửa chữa chuyên ngành hàng không (ARS) (mã số thủ tục hành chính: 1.004380)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan quản lý nhà nước giúp hạn chế tình trạng gián đoạn hiệu lực giấy phép của người lao động trong khi thực hiện nhiệm vụ tại cảng hàng không, sân bay. Doanh nghiệp khai thác tối đa nguồn lực nhân viên hàng không.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2021 - 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Gia hạn Giấy chứng nhận phê chuẩn tổ chức bảo dưỡng tàu bay (AMO) (mã số thủ tục hành chính: 1.003818)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến và điện tử hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Lý do: Giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

IV. Ngành nghề kinh doanh 4: Kinh doanh dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

Quy định về thủ tục hành chính

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (giấy phép khai thác cơ sở ANS) (mã số thủ tục hành chính: 2.000102)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm thời hạn giải quyết thủ tục từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan quản lý nhà nước, tạo điều kiện doanh nghiệp sớm hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động bay.

- Lộ trình thực hiện: Hiện nay, phương án này đã được thể hiện tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động bay (dự kiến trình ký ban hành trong tháng 11 năm 2021).

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay (mã số thủ tục hành chính: 1.000239)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan quản lý nhà nước, hạn chế tình trạng gián đoạn hiệu lực giấy phép của người lao động trong khi thực hiện nhiệm vụ tại cảng hàng không, sân bay. Doanh nghiệp khai thác tối đa nguồn lực nhân viên hàng không.

- Kéo dài thời hạn có năng định từ 1 năm thành 2 năm đối với các năng định: Nhân viên không lưu (Thủ tục bay, Kíp trưởng thủ tục bay, Xử lý dữ liệu bay (FDP), Khai thác liên lạc sóng ngắn không-địa (HF A/G); Nhân viên Thông tin, dẫn đường, giám sát (nhân viên bay kiểm tra, hiệu chuẩn; bay đánh giá phương thức bay bằng thiết bị); Nhân viên khí tượng HK; Nhân viên Thông báo tin tức HK (AIS sân bay, NOTAM, AIP, Kíp trưởng AIS sân bay, kíp trưởng NOTAM); Nhân viên thiết kế phương thức bay; Nhân viên bản đồ, sơ đồ dữ liệu HK; Bãi bỏ năng định: Khai thác mạng AFTN/AMHS; Khai thác, bảo dưỡng ghi âm/ghi dữ liệu; Khai thác, bảo dưỡng hệ thống AIS/AIM tự động.

Lý do: Kéo dài hiệu lực năng định của nhân viên lên gấp đôi, giảm bớt áp lực thi, chi phí thi và thực hiện thủ tục hành chính, bãi bỏ một số năng định đối với một số loại hình nhân viên khai thác, bảo dưỡng những thiết bị không trực tiếp trong dây chuyền điều hành tàu bay. Phương án cắt giảm, đơn giản hóa này đem lại lợi ích kinh tế trực tiếp rất lớn cho doanh nghiệp do chi phí đào đạo, huấn luyện định kì để duy trì năng định, di chuyển của nhân viên để thi chiếm chi phí rất cao so với chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động bay.

- Lộ trình thực hiện: Hiện nay, phương án này đã được thể hiện tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động bay (dự kiến trình ký ban hành trong tháng 11 năm 2021).

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp lại Giấy phép khai thác cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (mã số thủ tục hành chính: 1.000254)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc đối với trường hợp giấy phép hết hạn.

Lý do: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan quản lý nhà nước, hạn chế tình trạng gián đoạn hiệu lực giấy phép của doanh nghiệp, duy trì điều kiện khai thác an toàn trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động bay.

- Lộ trình thực hiện: Hiện nay, phương án này đã được thể hiện tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động bay (dự kiến trình ký ban hành trong tháng 11 năm 2021).

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay (mã số thủ tục hành chính: 1.000246)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: đối với trường hợp giấy phép hết hạn: giảm thời hạn giải quyết thủ tục từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục của cơ quan quản lý nhà nước, tăng cường đội ngũ người lao động, nguồn nhân lực chất lượng cao hoạt động tại cảng. Doanh nghiệp khai thác tối đa nguồn lực nhân viên hàng không.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động bay.

- Lộ trình thực hiện: Hiện nay, phương án này đã được thể hiện tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động bay (dự kiến trình ký ban hành trong tháng 11 năm 2021).

5. Thủ tục hành chính 5: Thủ tục cấp giấy phép, năng định nhân viên bảo đảm hoạt động bay (mã số thủ tục hành chính: 1.000246)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 12 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan quản lý nhà nước, hạn chế tình trạng gián đoạn hiệu lực giấy phép của người lao động trong khi thực hiện nhiệm vụ tại cảng hàng không, sân bay. Doanh nghiệp khai thác tối đa nguồn lực nhân viên hàng không.

- Kéo dài thời hạn có năng định từ 1 năm thành 2 năm đối với các năng định: Nhân viên không lưu (Thủ tục bay, Kíp trưởng thủ tục bay, Xử lý dữ liệu bay (FDP), Khai thác liên lạc sóng ngắn không-địa (HF A/G); Nhân viên Thông tin, dẫn đường, giám sát (nhân viên bay kiểm tra, hiệu chuẩn; bay đánh giá phương thức bay bằng thiết bị); Nhân viên khí tượng HK; Nhân viên Thông báo tin tức HK (AIS sân bay, NOTAM, AIP, Kíp trưởng AIS sân bay, kíp trưởng NOTAM); Nhân viên thiết kế phương thức bay; Nhân viên bản đồ, sơ đồ dữ liệu HK; Bãi bỏ năng định: Khai thác mạng AFTN/AMHS; Khai thác, bảo dưỡng ghi âm/ghi dữ liệu; Khai thác, bảo dưỡng hệ thống AIS/AIM tự động.

Lý do: Kéo dài hiệu lực năng định của nhân viên lên gấp đôi, giảm bớt áp lực thi, chi phí thi và thực hiện thủ tục hành chính, bãi bỏ một số năng định đối với một số loại hình nhân viên khai thác, bảo dưỡng những thiết bị không trực tiếp trong dây chuyền điều hành tàu bay. Phương án cắt giảm, đơn giản hóa này đem lại lợi ích kinh tế trực tiếp rất lớn cho doanh nghiệp do chi phí đào tạo, huấn luyện định kì để duy trì năng định, di chuyển của nhân viên để thi chiếm chi phí rất cao so với chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động bay.

- Lộ trình thực hiện: Hiện nay, phương án này đã được thể hiện tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động bay (dự kiến trình ký ban hành trong tháng 11 năm 2021).

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay (mã số thủ tục hành chính: 1.000283).

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục của cơ quan quản lý nhà nước, hỗ trợ tối đa việc doanh nghiệp đưa các hệ thống kỹ thuật, thiết bị vào khai thác để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì an toàn. Doanh nghiệp khai thác tối đa hiệu quả của việc đầu tư mua sắm hệ thống kỹ thuật, thiết bị.

- Bỏ yêu cầu cấp giấy phép khai thác với hệ thống thu ảnh mây vệ tinh khí tượng.

Lý do: Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có hệ thống thu ảnh mây vệ tinh khí tượng được trực tiếp khai thác mà không cần phải thông qua sự kiểm tra, cấp phép của cơ quan quản lý nhà nước.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động bay.

- Lộ trình thực hiện: Hiện nay, phương án này đã được thể hiện tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động bay (dự kiến trình ký ban hành trong tháng 11 năm 2021).

7. Thủ tục hành chính 7: Thủ tục cấp lại Giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay (mã số thủ tục hành chính: 1.000271)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm thời hạn giải quyết thủ tục từ 10 ngày làm việc xuống còn 08 ngày làm việc đối với trường hợp giấy phép hết hạn hoặc thay đổi nội dung, đề nghị cải tạo, nâng cấp, phục hồi, đồng thời cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng điện tử hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Lý do: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục của cơ quan quản lý nhà nước, hỗ trợ tối đa việc doanh nghiệp duy trì giấy phép khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị vào khai thác để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì an toàn. Doanh nghiệp khai thác tối đa hiệu quả của việc đầu tư mua sắm hệ thống kỹ thuật, thiết bị.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động bay.

- Lộ trình thực hiện: Hiện nay, phương án này đã được thể hiện tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động bay (dự kiến trình ký ban hành trong tháng 11 năm 2021).

Quy định về yêu cầu, điều kiện

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Điều kiện về nhân lực nhân viên bảo đảm hoạt động bay

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Kéo dài thời hạn có năng định từ 1 năm thành 2 năm đối với các năng định: Nhân viên không lưu (Thủ tục bay, Kíp trưởng thủ tục bay, Xử lý dữ liệu bay (FDP), Khai thác liên lạc sóng ngắn không-địa (HF A/G); Nhân viên Thông tin, dẫn đường, giám sát (nhân viên bay kiểm tra, hiệu chuẩn; bay đánh giá phương thức bay bằng thiết bị); Nhân viên khí tượng HK; Nhân viên Thông báo tin tức HK (AIS sân bay, NOTAM, AIP, Kíp trưởng AIS sân bay, kíp trưởng NOTAM); Nhân viên thiết kế phương thức bay; Nhân viên bản đồ, sơ đồ dữ liệu HK. Bãi bỏ năng định: Khai thác mạng AFTN/AMHS; Khai thác, bảo dưỡng ghi âm/ghi dữ liệu; Khai thác, bảo dưỡng hệ thống AIS/AIM tự động.

Lý do: Kéo dài hiệu lực năng định của nhân viên lên gấp đôi, giảm bớt áp lực thi, chi phí thi và thực hiện thủ tục hành chính, bãi bỏ một số năng định đối với một số loại hình nhân viên khai thác, bảo dưỡng những thiết bị không trực tiếp trong dây chuyền điều hành tàu bay. Phương án cắt giảm, đơn giản hóa này đem lại lợi ích kinh tế trực tiếp rất lớn cho doanh nghiệp do chi phí đào tạo, huấn luyện định kì để duy trì năng định, di chuyển của nhân viên để thi chiếm chi phí rất cao so với chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động bay.

- Lộ trình thực hiện: Hiện nay, phương án này đã được thể hiện tại dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý hoạt động bay (dự kiến trình ký ban hành trong tháng 11 năm 2021).

V. Ngành nghề kinh doanh 5: Kinh doanh dịch vụ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không (mã số thủ tục hành chính: 1.000574)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 25 ngày xuống còn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện lĩnh vực hàng không dân dụng (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 89/2019/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

VI. Ngành nghề kinh doanh 6: Kinh doanh vận tải hàng không

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy chứng nhận thành viên tổ bay (mã số thủ tục hành chính: 1.004413)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến và điện tử hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Lý do: Giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia kinh doanh vận tải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Đăng ký văn bản IDERA (mã số thủ tục hành chính: 1.003398)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo đó sửa đổi thành phần hồ sơ liên quan đến tư cách pháp lý của tổ chức, cá nhân: Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam. Trong trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

Lý do: Giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia kinh doanh vận tải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2019/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Sửa chữa, bổ sung, điều chỉnh thông tin về đăng ký quốc tịch tàu bay, đăng ký các quyền đối với tàu bay và đăng ký văn bản IDERA (mã số thủ tục hành chính: 1.005193)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng sửa đổi thành phần hồ sơ quy định rõ nộp bản sao giấy tờ liên quan đến tư cách pháp lý của tổ chức, cá nhân (bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam. Trong trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại); bản sao tài liệu chứng minh về các thông tin cần sửa chữa, bổ sung hoặc điều chỉnh.

Lý do: Giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia kinh doanh vận tải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2019/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký các quyền đối với tàu bay (mã số thủ tục hành chính: 1.003405)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng sửa đổi thành phần hồ sơ quy định rõ nộp bản sao giấy tờ liên quan đến tư cách pháp lý của tổ chức, cá nhân (bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam. Trong trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại).

Lý do: Giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia kinh doanh vận tải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2019/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

5. Thủ tục hành chính 5: Kê khai giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ thủ tục hành chính "Kê khai giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không".

Lý do: Việc bỏ thủ tục hành chính này nhằm giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia kinh doanh vận tải.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 36/2015/TT-BGTVT ngày 24 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về quản lý giá dịch vụ vận chuyển hàng không nội địa và giá dịch vụ chuyên ngành hàng không (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Thông tư số 07/2017/TT-BGTVT).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

6. Thủ tục hành chính 6: Xóa đăng ký văn bản IDERA (mã số thủ tục hành chính: 1.003393)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng sửa đổi thành phần hồ sơ quy định rõ nộp bản sao giấy tờ liên quan đến tư cách pháp lý của tổ chức, cá nhân: Bản sao giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký trong trường hợp người đề nghị là tổ chức, cá nhân Việt Nam. Trong trường hợp giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách pháp lý của người đề nghị đăng ký do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp thì các giấy tờ, tài liệu này phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

Lý do: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp và giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 68/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2015 của Chính phủ quy định đăng ký quốc tịch và đăng ký các quyền đối với tàu bay (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 07/2019/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

Phần III. LĨNH VỰC HÀNG HẢI

I. Ngành nghề kinh doanh 1: Kinh doanh dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải

Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Điều kiện cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo đảm hàng hải cho người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách bộ phận thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải, khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải từ "tối thiểu 05 năm" xuống "tối thiểu 03 năm".

Lý do: Để phù hợp với thực tế hiện nay, với 3 năm làm việc trong lĩnh vực bảo đảm hàng hải người giữ vị trí phụ trách đã cơ bản kinh nghiệm quản lý. Sự thay đổi này cũng tạo sự cạnh tranh công bằng cho cá nhân người lao động của doanh nghiệp. Đồng thời, phương án cắt giảm, đơn giản hóa này đem lại lợi ích trực tiếp cho người lao động của doanh nghiệp và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Điều kiện cung cấp dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực bảo đảm hàng hải cho người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách bộ phận dịch vụ thiết lập, vận hành, duy trì, bảo trì báo hiệu hàng hải khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng "tối thiểu 05 năm" xuống "tối thiểu 03 năm".

Lý do: Để phù hợp với thực tế hiện nay, với 3 năm làm việc trong lĩnh vực bảo đảm hàng hải người giữ vị trí phụ trách đã cơ bản kinh nghiệm quản lý. Sự thay đổi này cũng tạo sự cạnh tranh công bằng cho cá nhân người lao động của doanh nghiệp. Đồng thời, phương án cắt giảm, đơn giản hóa này đem lại lợi ích trực tiếp cho người lao động của doanh nghiệp và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

3. Yêu cầu, điều kiện 3: Điều kiện cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải phục vụ công bố Thông báo hàng hải

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực khảo sát hàng hải cho người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách bộ phận khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải công cộng và tuyến hàng hải "tối thiểu 05 năm" xuống "tối thiểu 03 năm".

Lý do: Để phù hợp với thực tế hiện nay, với 3 năm làm việc trong lĩnh vực bảo đảm hàng hải người giữ vị trí phụ trách đã cơ bản kinh nghiệm quản lý. Sự thay đổi này cũng tạo sự cạnh tranh công bằng cho cá nhân người lao động của doanh nghiệp. Đồng thời, phương án cắt giảm, đơn giản hóa này đem lại lợi ích trực tiếp cho người lao động của doanh nghiệp và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

4. Yêu cầu, điều kiện 4: Điều kiện cung cấp dịch vụ khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng phục vụ công bố Thông báo hàng hải

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực khảo sát hàng hải cho người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách khảo sát khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng "tối thiểu 05 năm" xuống "tối thiểu 03 năm".

Lý do: Để phù hợp với thực tế hiện nay, với 3 năm làm việc trong lĩnh vực bảo đảm hàng hải người giữ vị trí phụ trách đã cơ bản kinh nghiệm quản lý. Sự thay đổi này cũng tạo sự cạnh tranh công bằng cho cá nhân người lao động của doanh nghiệp. Đồng thời, phương án cắt giảm, đơn giản hóa này đem lại lợi ích trực tiếp cho người lao động của doanh nghiệp và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

5. Yêu cầu, điều kiện 5: Điều kiện đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông báo hàng hải.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực hàng hải cho người phụ trách bộ phận thông báo hàng hải "tối thiểu 05 năm" xuống "tối thiểu 03 năm".

Lý do: Để phù hợp với thực tế hiện nay, với 3 năm làm việc trong lĩnh vực bảo đảm hàng hải người giữ vị trí phụ trách đã cơ bản kinh nghiệm quản lý. Sự thay đổi này cũng tạo sự cạnh tranh công bằng cho cá nhân người lao động của doanh nghiệp. Đồng thời, phương án cắt giảm, đơn giản hóa này đem lại lợi ích trực tiếp cho người lao động của doanh nghiệp và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

6. Yêu cầu, điều kiện 6: Điều kiện cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước và luồng hàng hải công cộng.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải cho người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách bộ phận cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm hàng hải "tối thiểu 05 năm" xuống "tối thiểu 03 năm".

Lý do: Để phù hợp với thực tế hiện nay, với 3 năm làm việc trong lĩnh vực bảo đảm hàng hải người giữ vị trí phụ trách đã cơ bản kinh nghiệm quản lý. Sự thay đổi này cũng tạo sự cạnh tranh công bằng cho cá nhân người lao động của doanh nghiệp. Đồng thời, phương án cắt giảm, đơn giản hóa này đem lại lợi ích trực tiếp cho người lao động của doanh nghiệp và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

7. Yêu cầu, điều kiện 7: Điều kiện cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải trong khu nước, vùng nước, luồng hàng hải chuyên dùng.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực điều tiết bảo đảm an toàn hàng hải cho người được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách bộ phận cung cấp dịch vụ điều tiết bảo đảm hàng hải "tối thiểu 05 năm" xuống "tối thiểu 03 năm".

Lý do: Để phù hợp với thực tế hiện nay, với 3 năm làm việc trong lĩnh vực bảo đảm hàng hải người giữ vị trí phụ trách đã cơ bản kinh nghiệm quản lý. Sự thay đổi này cũng tạo sự cạnh tranh công bằng cho cá nhân người lao động của doanh nghiệp. Đồng thời, phương án cắt giảm, đơn giản hóa này đem lại lợi ích trực tiếp cho người lao động của doanh nghiệp và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2021 - 2025.

8. Yêu cầu, điều kiện 8: Điều kiện cung cấp dịch vụ khảo sát, xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh khảo sát hàng hải cho người; được bổ nhiệm giữ vị trí phụ trách lĩnh vực cung cấp dịch vụ khảo sát xây dựng và phát hành hải đồ vùng nước cảng biển, luồng hàng hải và tuyến hàng hải; xây dựng và phát hành tài liệu, ấn phẩm an toàn hàng hải "tối thiểu 05 năm" xuống "tối thiểu 03 năm".

Lý do: Để phù hợp với thực tế hiện nay, với 3 năm làm việc trong lĩnh vực bảo đảm hàng hải người giữ vị trí phụ trách đã cơ bản kinh nghiệm quản lý. Sự thay đổi này cũng tạo sự cạnh tranh công bằng cho cá nhân người lao động của doanh nghiệp. Đồng thời, phương án cắt giảm, đơn giản hóa này đem lại lợi ích trực tiếp cho người lao động của doanh nghiệp và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

9. Yêu cầu, điều kiện 9: Điều kiện cung cấp dịch vụ thông tin điện tử hàng hải.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực thông tin điện tử hàng hải cho người được bổ nhiệm phụ trách bộ phận chuyên trách thực hiện dịch vụ thông tin điện tử hàng hải "tối thiểu 05 năm" xuống "tối thiểu 03 năm".

Lý do: Để phù hợp với thực tế hiện nay, với 3 năm làm việc trong lĩnh vực bảo đảm hàng hải người giữ vị trí phụ trách đã cơ bản kinh nghiệm quản lý. Sự thay đổi này cũng tạo sự cạnh tranh công bằng cho cá nhân người lao động của doanh nghiệp. Đồng thời, phương án cắt giảm, đơn giản hóa này đem lại lợi ích trực tiếp cho người lao động của doanh nghiệp và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi khoản 1 Điều 16 Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 147/2018/NĐ-CP).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

II. Ngành nghề kinh doanh 2: Kinh doanh khai thác cảng biển

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kinh kiện doanh khai thác cảng biển (mã số thủ tục hành chính: 1.001810)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục của cơ quan quản lý nhà nước, tạo điều kiện doanh nghiệp sớm hoạt động, kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển (mã số thủ tục hành chính: 1.001830)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm thời hạn giải quyết thủ tục từ 5 ngày làm việc xuống 3 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời hạn giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan quản lý nhà nước, tạo điều kiện doanh nghiệp sớm hoạt động, kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

III. Ngành nghề kinh doanh 3: Kinh doanh dịch vụ lai dắt tàu biển

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Có người chuyên trách thực hiện kinh doanh, khai thác dịch vụ lai dắt tàu biển đã tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành hàng hải, ngoại thương, thương mại hoặc kinh tế

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều kiện "Có người chuyên trách thực hiện kinh doanh, khai thác dịch vụ lai dắt tàu biển đã tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc một trong các chuyên ngành hàng hải, ngoại thương, thương mại hoặc kinh tế" để doanh nghiệp tự quyết định.

Lý do: Việc bỏ điều kiện này sẽ tiết kiệm được chi phí, không can thiệp sâu vào quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp chủ động trong việc lựa chọn, tuyển dụng nhân sự phù hợp đối với ngành nghề kinh doanh này. Đồng thời, phương án cắt giảm này cũng tạo lợi ích trực tiếp cho người lao động.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Bộ luật Hàng hải năm 2015.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Có người chuyên trách thực hiện công tác pháp chế đã tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành luật

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ điều kiện "Có người chuyên trách thực hiện công tác pháp chế đã tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc chuyên ngành luật" để doanh nghiệp tự quyết định.

Lý do: Việc bỏ điều kiện này sẽ tiết kiệm được chi phí, không can thiệp sâu vào quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp chủ động trong việc lựa chọn, tuyển dụng nhân sự phù hợp đối với ngành nghề kinh doanh này. Đồng thời, phương án cắt giảm này cũng tạo lợi ích trực tiếp cho người lao động.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Bộ luật Hàng hải năm 2015.

- Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh của Quốc hội.

IV. Ngành nghề kinh doanh 4: Đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy xác nhận phù hợp về tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải (mã số thủ tục hành chính: 1.004828)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng bổ sung thêm hình thức "hoặc bản điện tử, bản sao điện tử có giá trị pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp" đối với thành phần hồ sơ là các giấy tờ yêu cầu là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

Lý do: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp và giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 29/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện cơ sở đào tạo, huấn luyện và tổ chức tuyển dụng, cung ứng thuyền viên hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

V. Một số thủ tục hành chính khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh

1. Thủ tục hành chính 1: Cho ý kiến đối với dự án xây dựng công trình trong vùng nước cảng biển và các công trình khác xây dựng trong vùng nước cảng biển (mã số thủ tục hành chính: 1.001899)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến và điện tử hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Lý do: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp và giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Phê duyệt phương án trục vớt tài sản chìm đắm (mã số thủ tục hành chính: 1.002771)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến và điện tử hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Lý do: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp và giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo (mã số thủ tục hành chính: 2.000795)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến; đồng thời, bổ sung thêm hình thức nộp hồ sơ "hoặc bản điện tử, bản sao điện tử có giá trị pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp" đối với những hồ sơ yêu cầu phải có bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

Lý do: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp và giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2021 - 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Giấy phép vận tải nội địa cho tàu nước ngoài (mã số thủ tục hành chính: 1.004425)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng bổ sung thêm hình thức nộp hồ sơ "hoặc bản điện tử, bản sao điện tử có giá trị pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp" đối với những hồ sơ yêu cầu phải có bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

Lý do: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp và giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 6 Thông tư số 50/2016/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp Giấy phép vận tải biển nội địa cho tàu biển nước ngoài (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 48/2018/TT-BGTVT).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

Phần IV. LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT

I. Ngành nghề kinh doanh 1: Kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt

1. Thủ tục hành chính 1: Bãi bỏ đường ngang (mã số thủ tục hành chính: 1.000294)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 4 theo hướng đơn giản thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp bản chính, bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu "phương án tổ chức giao thông và phương án tổ chức thi công khi bãi bỏ đường ngang".

Lý do: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp và giảm bớt chi phí tuân thủ khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt (mã số thủ tục hành chính: 1.005134)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ, cắt giảm thành phần hồ sơ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Lý do:

- Thành phần hồ sơ đề nghị cấp phép đã yêu cầu Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công.

- Đối với thiết kế do chủ đầu tư thẩm định: Khoản 6 Điều 83 Luật Xây dựng quy định nội dung thẩm định có sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

- Đối với thiết kế do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định: Điểm b khoản 3 Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP quy định thành phần hồ sơ trình thẩm định thiết kế sau thiết kế cơ sở đã bao gồm kết quả thực hiện thủ tục đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Như vậy, cơ quan thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công chịu trách nhiệm về sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường khi thẩm định, phê duyệt.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang (mã số thủ tục hành chính: 1.005126)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ, cắt giảm thành phần hồ sơ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Lý do:

- Thành phần hồ sơ đề nghị cấp phép đã yêu cầu Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công.

- Đối với thiết kế do chủ đầu tư thẩm định: Khoản 6 Điều 83 Luật Xây dựng quy định nội dung thẩm định có sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

- Đối với thiết kế do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định: Điểm b khoản 3 Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP quy định thành phần hồ sơ trình thẩm định thiết kế sau thiết kế cơ sở đã bao gồm kết quả thực hiện thủ tục đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Như vậy, cơ quan thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công chịu trách nhiệm về sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường khi thẩm định, phê duyệt.

- Cung cấp mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến lên mức độ 4 theo hướng điện tử hóa đơn đề nghị cấp giấy phép, kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Lý do: Tiết kiệm được chi phí, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 25/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

Phần V. LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM

I. Ngành nghề kinh doanh 1: Đóng mới, hoán cải, sửa chữa phương tiện thủy nội địa

1. Quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn 1: QCVN 89:2015/BGTVT.

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ quy định về "Nhà xưởng phải được xây dựng trên khu đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp hoặc có hợp đồng thuê sử dụng đất theo quy định của pháp luật đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép xây dựng cơ sở" quy định tại khoản 2.1.2.1 Chương 2 QCVN 89:2015/BGTVT.

Lý do: Đây là quy chuẩn kỹ thuật nên việc kiểm tra, xác nhận năng lực cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi chỉ xác nhận về năng lực kỹ thuật (cơ sở vật chất và nhân lực) mà không liên quan đến đất đai. Việc quản lý đất đai thuộc chức năng nhiệm vụ của bộ, ngành khác, không thuộc chức năng nhiệm vụ của Bộ Giao thông vận tải vì vậy cần thiết loại bỏ quy định này để tránh chồng chéo về chức năng nhiệm vụ và quản lý nhà nước.

- Bãi bỏ quy định về "Bến đỗ phương tiện phù hợp với cỡ loại phương tiện dự kiến thi công, phải đảm bảo luồng lạch cho phương tiện ra, vào thuận tiện và được cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định" quy định tại khoản 2.1.2.1 Chương 2 QCVN 89:2015/BGTVT.

Lý do: Việc cấp phép các bến đỗ liên quan đến quy hoạch của địa phương và cũng liên quan đến đất đai vì vậy cần thiết loại bỏ trong quy chuẩn này. Việc này do các cơ quan quản lý chuyên ngành khác thực hiện.

- Bãi bỏ quy định về "đảm bảo an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy và bảo vệ môi trường đối với các cơ sở" quy định tại mục 2.4 Chương 2 QCVN 89:2015/BGTVT.

Lý do: Quy định này thuộc chức năng nhiệm vụ của bộ, ngành khác, không thuộc chức năng nhiệm vụ của Bộ Giao thông vận tải vì vậy bỏ quy định này để tránh chồng chéo chức năng nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 89:2015/BGTVT về cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi phương tiện thủy nội địa ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BGTVT ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

II. Một số thủ tục hành chính khác liên quan đến hoạt động kinh doanh

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt (kiểm tra sản xuất lắp ráp) (mã số thủ tục hành chính: 1.004990)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp: Bản vẽ và thông số kỹ thuật của tổng thành, thiết bị sản xuất trong nước; bản vẽ và thông số kỹ thuật của tổng thành, thiết bị nhập khẩu.

Lý do: Cắt giảm bớt hồ sơ cần chuẩn bị đối với tổng thành, thiết bị do tổng thành, thiết bị đã được chứng nhận trước đó khi sản xuất, lắp ráp hoặc nhập khẩu rời. Việc cắt giảm hồ sơ thiết kế là phù hợp, sử dụng chung hồ sơ với sản phẩm đã kiểm tra và cấp chứng nhận trước đó.

- Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp: Bản sao kèm bản chính để đối chiếu chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ, chứng chỉ chất lượng và tài liệu kỹ thuật liên quan của tổng thành, thiết bị, linh kiện mới được sử dụng.

Lý do: Các tổng thành, thiết bị, linh kiện mới này đều đã được chứng nhận trước đó, cơ quan đăng kiểm sử dụng chung hồ sơ để đối chiếu trong dữ liệu đăng kiểm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt (kiểm tra hoán cải) (mã số thủ tục hành chính: 1.004990)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu chứng chỉ nguồn gốc xuất xứ, chứng chỉ chất lượng và tài liệu kỹ thuật liên quan của tổng thành, thiết bị, linh kiện mới được sử dụng.

Lý do: Các tổng thành, thiết bị, linh kiện mới này đều đã được chứng nhận trước đó, cơ quan đăng kiểm sử dụng chung hồ sơ để đối chiếu trong dữ liệu đăng kiểm.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp (mã số thủ tục hành chính: 1.004994)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến cắt giảm số lượng hồ sơ thiết kế phải nộp từ 03 bộ hồ sơ xuống còn 02 hồ sơ.

Lý do: Đối với cơ sở thiết kế đồng thời là cơ sở sản xuất, lắp ráp kiểu loại xe cơ giới đó thì chỉ cần 01 bản hồ sơ thiết kế đã được cơ quan quản lý thẩm định là đủ.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT).

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2021 - 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Thẩm định thiết kế tàu biển (mã số thủ tục hành chính: 2.000087)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng điện tử hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai, mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính; giảm số lượng bộ hồ sơ từ 03 bộ xuống 01 bộ; giảm thời gian thẩm định thiết kế từ 20 ngày xuống còn 18 ngày.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và giảm bớt thời gian thẩm định thiết kế tàu biển sẽ giảm chi phí, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2021 - 2025.

5. Thủ tục hành chính 5: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo (mã số thủ tục hành chính: 1.005018)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Giảm thời gian cơ quan nghiệm thu thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân trong trường hợp không cấp từ sau 02 ngày làm việc xuống ngay trong ngày làm việc.

Lý do: Đơn giản hóa quy định nhằm tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện các hoạt động liên quan đến chứng nhận đăng kiểm cho phương tiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

6. Thủ tục hành chính 6: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật đối với xe đạp điện được sản xuất, lắp ráp (mã số thủ tục hành chính: 1.004980)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ quy định phải nộp Quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra trong Hồ sơ khi làm thủ tục chứng nhận chất lượng.

Lý do: Cơ sở sản xuất có trách nhiệm xây dựng quy trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng, triển khai thực hiện đúng theo quy trình đã ban hành; việc kiểm soát được thực hiện thông qua quá trình đánh giá việc đảm bảo chất lượng tại cơ sở sản xuất.

- Bãi bỏ quy định nộp Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đầu tư phù hợp đối với Cơ sở sản xuất lần đầu tiên sản xuất, lắp ráp xe.

Lý do: Giấy đăng ký kinh doanh có thể tra cứu trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đăng ký doanh nghiệp hoặc sử dụng dữ liệu dùng chung.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

7. Thủ tục hành chính 7: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe chở người bốn bánh có gắn động cơ nhập khẩu (mã số thủ tục hành chính: 1.005012)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian kiểm tra từ không quá 05 ngày làm việc xuống còn không quá 03 ngày làm việc so với ngày đề nghị kiểm tra của Cơ sở nhập khẩu.

Lý do: Rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe chở người bốn bánh có gắn động cơ nhập khẩu nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

8. Thủ tục hành chính 8: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (mã số thủ tục hành chính: 1.004996)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian kiểm tra từ không quá 05 ngày làm việc xuống còn không quá 03 ngày làm việc so với ngày đề nghị kiểm tra của tổ chức, cá nhân nhập khẩu.

Lý do: Rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 31/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 55/2014/TT-BGTVT).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

9. Thủ tục hành chính 9: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật đối với xe đạp điện nhập khẩu (mã số thủ tục hành chính: 1.004978)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian kiểm tra từ không quá 05 ngày làm việc xuống còn không quá 03 ngày làm việc so với ngày đề nghị kiểm tra của tổ chức, cá nhân nhập khẩu.

Lý do: Rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện nhập khẩu nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

10. Thủ tục hành chính 10: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu và động cơ nhập khẩu sử dụng để lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy (mã số thủ tục hành chính: 1.004989)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cắt giảm thời gian kiểm tra từ không quá 05 ngày làm việc xuống còn không quá 03 ngày làm việc so với ngày đề nghị kiểm tra của tổ chức, cá nhân nhập khẩu.

Lý do: Rút ngắn thời gian cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu; Giấy chứng nhận chất lượng động cơ xe mô tô, xe gắn máy nhập khẩu nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 41/2013/TT-BGTVT ngày 05 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật xe đạp điện (được sửa đổi, bổ sung Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

11. Thủ tục hành chính 11: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho kiểu loại linh kiện xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ (mã số thủ tục hành chính: 1.004334)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản thành phần hồ sơ theo hướng không yêu cầu phải nộp: Quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra trong Hồ sơ chứng nhận linh kiện sử dụng để lắp ráp xe khi làm thủ tục chứng nhận chất lượng.

Lý do: Cơ sở sản xuất có trách nhiệm xây dựng quy trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng đối với linh kiện, triển khai thực hiện đúng theo quy trình đã ban hành; việc kiểm soát được thực hiện thông qua quá trình đánh giá việc đảm bảo chất lượng tại cơ sở sản xuất linh kiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 16/2014/TT-BGTVT ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông đường bộ.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

12. Thủ tục hành chính 12: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng kiểu loại dùng cho xe chở người bốn bánh có gắn động cơ sản xuất, lắp ráp (mã số thủ tục hành chính: 1.005014)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ hạng mục phải nộp Quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra trong Hồ sơ chứng nhận xe chở người bốn bánh có gắn động cơ khi làm thủ tục chứng nhận chất lượng, cơ sở sản xuất có trách nhiệm xây dựng quy trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng đối với xe, triển khai thực hiện đúng theo quy trình đã ban hành; việc kiểm soát được thực hiện thông qua quá trình đánh giá việc đảm bảo chất lượng tại cơ sở sản xuất xe.

Lý do: Cơ sở sản xuất có trách nhiệm xây dựng quy trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng, triển khai thực hiện đúng theo quy trình đã ban hành; việc kiểm soát được thực hiện thông qua quá trình đánh giá việc đảm bảo chất lượng tại cơ sở sản xuất.

- Bỏ yêu cầu phải nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc đầu tư đối với cơ sở sản xuất lần đầu tiên sản xuất, lắp ráp xe.

Lý do: Thông tin về đăng ký doanh nghiệp có thể có được thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 5 của Thông tư số 86/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về điều kiện đối với xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và người điều khiển tham gia giao thông trong phạm vi hạn chế.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

13. Thủ tục hành chính 13: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy (mã số thủ tục hành chính: 1.004985)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Bãi bỏ hạng mục phải nộp Quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra trong Hồ sơ chứng nhận linh kiện sử dụng để lắp ráp xe khi làm thủ tục chứng nhận chất lượng.

Lý do: Cơ sở sản xuất có trách nhiệm xây dựng quy trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng đối với linh kiện, triển khai thực hiện đúng theo quy trình đã ban hành; việc kiểm soát được thực hiện thông qua quá trình đánh giá việc đảm bảo chất lượng tại cơ sở sản xuất linh kiện.

- Bỏ "Văn bản xác nhận doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn sản xuất, lắp ráp xe của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với doanh nghiệp lần đầu sản xuất, lắp ráp xe" trong hồ sơ đăng ký chứng nhận chất lượng đối với xe mô tô, xe gắn máy.

Lý do: Quy định về việc cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện sản xuất, lắp ráp mô tô, xe gắn máy đã được bãi bỏ; Giấy đăng ký kinh doanh có thể tra cứu trên web hoặc sử dụng dữ liệu dùng chung.

- Bãi bỏ Mục 2 (thùng nhiên liệu) và Mục 4 (ống xả) nêu tại Phụ lục 1 - Các hạng mục bắt buộc kiểm tra, thử nghiệm và chứng nhận chất lượng ban hành kèm theo Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy.

Lý do: Trong QCVN14:2015/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với mô tô, xe gắn máy đã bỏ yêu cầu về thùng nhiên liệu phải thoả mãn QCVN 27:2010/BGTVT, ống xả theo QCVN 29:2010/BGTVT, vì vậy cần bãi bỏ yêu cầu này nhằm thông nhất quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

14. Thủ tục hành chính 14: Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện thủy nội địa và Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa (mã số thủ tục hành chính: 1.001364)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản thành phần hồ sơ theo hướng chỉ yêu cầu nộp bản sao hồ sơ thiết kế, hồ sơ tài liệu hướng dẫn; giảm số lượng bộ hồ sơ thiết kế, hồ sơ tài liệu hướng dẫn từ 03 bộ xuống 01 bộ.

Lý do: Việc đơn giản thành phần hồ sơ nhằm tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

15. Thủ tục hành chính 15: Kiểm định và chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và phòng ngừa ô nhiễm môi trường cho công-te-nơ, máy, vật liệu, trang thiết bị sử dụng cho tàu biển trong chế tạo, lắp ráp, nhập khẩu, sửa chữa phục hồi, hoán cải (mã số thủ tục hành chính: 2.000009)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản thành phần hồ sơ theo hướng chỉ yêu cầu nộp bản sao bộ Hồ sơ kỹ thuật và tổ chức, cá nhân phải chịu trách nhiệm về mặt pháp lý, tính chính xác của hồ sơ.

Lý do: Việc đơn giản thành phần hồ sơ nhằm tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 40/2016/TT-BGTVT ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm tàu biển Việt Nam.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

16. Thủ tục hành chính 16: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp các linh kiện sử dụng để lắp ô tô, rơ moóc và sơ mi rơ moóc (mã số thủ tục hành chính: 1.005002)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ quy định phải nộp Quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra trong Hồ sơ chứng nhận linh kiện sử dụng để lắp ráp xe khi làm thủ tục chứng nhận chất lượng.

Lý do: Cơ sở sản xuất có trách nhiệm xây dựng quy trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng đối với linh kiện, triển khai thực hiện đúng theo quy trình đã ban hành; việc kiểm soát được thực hiện thông qua quá trình đánh giá việc đảm bảo chất lượng tại cơ sở sản xuất linh kiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe cơ giới (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 54/2014/TT-BGTVT).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

17. Thủ tục hành chính 17: Cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho kiểu loại linh kiện xe mô tô, xe gắn máy (mã số thủ tục hành chính: 1.004983)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ hạng mục phải nộp Quy trình công nghệ sản xuất, lắp ráp và kiểm tra trong Hồ sơ chứng nhận linh kiện sử dụng để lắp ráp xe khi làm thủ tục chứng nhận chất lượng.

Lý do: Cơ sở sản xuất có trách nhiệm xây dựng quy trình sản xuất, lắp ráp và kiểm tra chất lượng đối với linh kiện, triển khai thực hiện đúng theo quy trình đã ban hành; việc kiểm soát được thực hiện thông qua quá trình đánh giá việc đảm bảo chất lượng tại cơ sở sản xuất linh kiện.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 45/2012/TT-BGTVT ngày 23 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong sản xuất, lắp ráp xe mô tô, xe gắn máy.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

18. Thủ tục hành chính 18: Cấp giấy Chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo (mã số thủ tục hành chính: 1.001001)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng bổ sung hình thức nộp hồ sơ trực tuyến và sửa đổi thành phần hồ sơ chỉ yêu cầu nộp bản sao đối với các tài liệu: Tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế; Giấy Đăng ký xe ô tô; Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký).

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 sẽ giảm chi phí, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT).

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

19. Thủ tục hành chính 19: Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển (công trình biển) (mã số thủ tục hành chính: 1.004318)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo hướng điện tử hóa mẫu văn bản đề nghị và giảm số lượng 03 tài liệu thiết kế công trình biển xuống còn 01 tài liệu.

Lý do: Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 sẽ giảm chi phí, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 33/2011/TT-BGTVT ngày 19 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thủ tục cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác và vận chuyển dầu khí trên biển.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

III. Quy định về kiểm tra chuyên ngành đối với sản phẩm, hàng hóa

1. Các sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận trước thông quan (đối với nhập khẩu); trước khi đưa ra thị trường (đối với sản xuất, lắp ráp)

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm 02 sản phẩm, hàng hóa khỏi danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận trước khi thông quan (đối với nhập khẩu); trước khi đưa ra thị trường (đối với sản xuất, lắp ráp).

Lý do: Dự kiến cắt giảm sản phẩm, hàng hóa này bởi vì theo quy định tại Điều 3 dự thảo Luật Giao thông đường bộ (sửa đổi) thì "xe đạp điện", "xe đạp máy" là phương tiện thô sơ, do đó cắt giảm 02 sản phẩm này khỏi danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận trước khi thông quan (đối với nhập khẩu); trước khi đưa ra thị trường (đối với sản xuất, lắp ráp).

- Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển 14 sản phẩm, hàng hóa từ danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận trước thông quan sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy.

Lý do: Việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục kiểm tra chuyên ngành này sẽ tiết kiệm được chi phí khi thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành.

(Danh mục sản phẩm; hàng hóa dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này).

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 41/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

2. Các sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn hợp quy

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

- Cắt giảm 35 sản phẩm, hàng hóa khỏi danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn hợp quy.

Danh mục sản phẩm, hàng hóa dự kiến cắt giảm, đơn giản hóa tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Thông tư số 41/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

Phần VI. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

I. Ngành nghề kinh doanh 1: Kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

1. Thủ tục hành chính 1: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng bỏ yêu cầu nộp "01 bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác của cơ sở đào tạo".

Lý do: Thông tin về đăng ký doanh nghiệp có thể tra cứu trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, do đó việc đơn giản hóa này đem lại lợi ích trực tiếp người lao động của doanh nghiệp và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2021 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Đơn giản hóa thành phần hồ sơ theo hướng bỏ yêu cầu nộp "01 bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu tương đương khác của cơ sở đào tạo".

Lý do: Thông tin về đăng ký doanh nghiệp có thể tra cứu trên Cổng thông tin điện tử quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, do đó việc đơn giản hóa này đem lại lợi ích trực tiếp người lao động của doanh nghiệp và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa.

- Lộ trình thực hiện: Giai đoạn 2021 - 2025.

II. Một số thủ tục hành chính khác liên quan đến hoạt động kinh doanh

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục công bố hoạt động cảng thủy nội địa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp phí thẩm tra, thẩm định công bố cảng thủy nội địa.

Lý do: Phương án cắt giảm, đơn giản hóa này đem lại lợi ích trực tiếp người lao động của doanh nghiệp và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Đề nghị sửa Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục xác nhận trình báo đường thủy nội địa

a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ quy định yêu cầu nộp phí trình báo đường thủy nội địa.

Lý do: Phương án cắt giảm, đơn giản hóa này đem lại lợi ích trực tiếp người lao động của doanh nghiệp và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

- Đề nghị sửa đổi Thông tư số 248/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

- Lộ trình thực hiện: 2021 - 2025.

Phụ lục I

DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA PHẢI CHỨNG NHẬN TRƯỚC THÔNG QUAN (ĐỐI VỚI NHẬP KHẨU), TRƯỚC KHI ĐƯA RA THỊ TRƯỜNG (ĐỐI VỚI SẢN XUẤT, LẮP RÁP)

(Kèm theo Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh	Phương án cắt giảm
I. Lĩnh vực phương tiện giao thông đường bộ					
A	**Xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện và xe đạp máy**	QCVN 14:2015/BGTVT QCVN 68:2013/BGTVT TCVN 6211			
1	Xe đạp điện		87.11		Dự kiến cắt giảm sản phẩm, hàng hóa này bởi vì theo quy định tại Điều 3 dự thảo Luật Giao thông đường bộ (sửa đổi) thì "xe đạp điện", "xe đạp máy" là phương tiện thô sơ
2	Xe đạp máy		87.11	TT 44/2012/TT-BGTVT TT 41/2013/TT-BGTVT TT 45/2012/TT-BGTVT	
B	**Xe máy chuyên dùng**	QCVN 22:2010/BGTVT QCVN 13:2011/BGTVT TCVN 424412005		TT 89/2015/TT-BGTVT	
1	Xe nâng		84.27		Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh	Phương án cắt giảm
2	Xe ủi (máy ủi)		84.29		Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy
3	Xe xúc (máy xúc)		8429.51.00		Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy
4	Xe đào (máy đào)		8429.52.00 8430.41.00		Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy
5	Xe xúc, đào (máy xúc, đào)		8429.59.00		Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh	Phương án cắt giảm
6	Xe lu rung		8429.40.40 8429.40.50		Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy
7	Xe lu loại khác		8429.40.90		Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy
8	Xe khoan (máy khoan)		8430.41.00		Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy
9	Xe cần cẩu bánh xích (cần trục bánh xích)	Loại có buồng lái và buồng Điều khiển cơ cấu công tác riêng biệt		8705.10.00	Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh	Phương án cắt giảm
10	Xe cần cẩu bánh xích (cần trục bánh xích)	Loại có một buồng lái chung đặt trên phần quay vừa để Điều khiển phần di chuyển vừa để Điều khiển cơ cấu công tác		8426.47.00	Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy
11	Xe thi công mặt đường			8705.90.90	Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy
12	Xe phun bê tông				Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy
13	Xe máy chuyên dùng loại khác				Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh	Phương án cắt giảm
II. Lĩnh vực đường sắt					
1	Đầu máy chạy điện từ nguồn điện cấp từ bên ngoài hoặc ắc quy	TCVN 9273-2012 QCVN 08: 2015/BGTVT	86.01	TT 29/2018/TT-BGTVT	Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy

Ghi chú: *Các từ viết tắt trong Phụ lục này được hiểu như sau: TT: Thông tư; TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia; QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật.*



Phụ lục II

DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA PHẢI CHỨNG NHẬN HOẶC CÔNG BỐ HỢP CHUẨN HỢP QUY

(Kèm theo Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh	Phương án
I. Lĩnh vực phương tiện giao thông đường bộ, phụ tùng					
A	**Xe máy chuyên dùng**	QCVN 22:2010/BGTVT QCVN 13:2011/BGTVT TCVN 4244:2005		TT 89/2015/TT-BGTVT	
1	Xe cạp (máy cạp)		8429.30.00		Cắt giảm
2	Xe đóng cọc và nhổ cọc (máy đóng cọc và nhổ cọc)		8430.10.10		Cắt giảm
3	Xe quét, chà sàn (nhà xưởng)		8705.90.90		Cắt giảm
4	Xe quét nhà xưởng		8705.90.90		Cắt giảm
II. Lĩnh vực sản phẩm công nghiệp dùng trong giao thông vận tải và phương tiện thăm dò khai thác trên biển (không áp dụng đối với sản phẩm dùng cho tàu và phương tiện thăm dò khai thác trên biển tạm nhập tái xuất và mang cờ nước ngoài)					
1	Kính (cho tàu thủy và thiết bị thăm dò, khai thác dầu khí biển)	QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT	7007	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74/78	Cắt giảm
2	Tổ hợp máy phát (dưới 50 kVA)	QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT	85.02	TT 82/2014/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT TT 55/2012/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74/78	Cắt giảm

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh	Phương án
3	Máy phát (dưới 50 kVA)	QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT	85.01	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT TT 55/2012/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74/78	Cắt giảm
4	Biến áp (dưới 50 kVA)	QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT	85.04	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT TT 55/2012/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74/78	Cắt giảm
5	Thiết bị chỉ báo vòng quay chân vịt	QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT	90.29	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT TT 55/2012/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74	Cắt giảm
6	Sơn chống hà	QCVN 64:2015/BGTVT	3208, 3209, 3210	Công ước về kiểm soát hệ thống chống hà của tàu, 2001	Cắt giảm
7	Sơn chống ăn mòn	QCVN 64:2015/BGTVT	3208, 3209, 3210	Nghị quyết MSC.215(82) của IMO về tiêu chuẩn chức năng của lớp phủ bề mặt bảo vệ dùng cho kết chứa nước biển chuyên dụng để dằn của tất cả các kiểu tàu và không gian mạn kép của tàu chở hàng rời (PSPC)	Cắt giảm
8	Lớp lót chống hà	QCVN 64:2015/BGTVT	3208, 3209, 3210	TT 71/2015/TT-BGTVT	Cắt giảm

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh	Phương án
9	Lớp lót đầu				Cắt giảm
10	Vật liệu phi kim	QCVN 64:2015/BGTVT	72.06 - 72.17	TT 71/2015/TT-BGTVT	Cắt giảm
11	Nhựa	QCVN 64:2015/BGTVT	39.01 - 39.08	TT 71/2015/TT-BGTVT	Cắt giảm
12	Cao su	QCVN 64:2015/BGTVT	40.01; 40.02	TT 71/2015/TT-BGTVT	Cắt giảm
13	Bình, chữa cháy (dùng bọt, bột, khí hoặc chất khác)	QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49.2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT	8424.10.90	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT TT 55/2012/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74	Cắt giảm
14	Ống cứu hỏa (dùng bọt hoặc bột)	QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT	5909.00.10	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT TT 55/2012/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74	Cắt giảm
15	Vòi phun (gồm kiểu mở và kiểu đóng)	QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1- 2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT	5909.00.10	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT TT 55/2012/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74	Cắt giảm
16	Dụng cụ chống mất nhiệt	QCVN 42:2012/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT	3926	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT Công ước LSA Code Công ước SOLAS 74	Cắt giảm

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh	Phương án
17	Thiết bị nhìn ban đêm	QCVN 64:2015/BGTVT	9005	TT 71/2015/TT-BGTVT	Cắt giảm
18	Cáp kéo và chằng buộc có đường kính bằng hoặc lớn hơn 10 mm (cáp phi kim loại và cáp thép)	QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:20137BGTVT	73.12 56.07	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT TT 55/2012/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74	Cắt giảm
19	Bánh lái	QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT	7326.90.10	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74	Cắt giảm
20	Bơm	QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT	84.13	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT TT 55/2012/TT-BGTVT	Cắt giảm
21	Các chi tiết của động cơ diesel	QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT	8409	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT TT 55/2012/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74	Cắt giảm

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh	Phương án
22	Tổ hợp máy phát	QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 04:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT	85.02	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT TT 55/2012/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74	Cắt giảm
23	Thiết bị ngắt (cho mạch chính)	QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT	85.35 85.36	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT TT 55/2012/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74	Cắt giảm
24	Đầu phun, thiết bị phun, thiết bị phun bọt xách tay, thiết bị phun bọt cố định, thiết bị phun bột xách tay và phun bột cố định	QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1- 2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT	84.24	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT TT 55/2012/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74	Cắt giảm

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn/tiêu chuẩn	Mã số HS	Văn bản điều chỉnh	Phương án
25	Thiết bị thở	QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1- 2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT	9020.00.00	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT TT 55/2012/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74	Cắt giảm
26	Quần áo bơi, bộ quần áo bảo vệ kín	QCVN 42:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT	40.15	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74 LSA Code	Cắt giảm
27	Áo phao	QCVN 42:2015/BGTVT QCVN 85:2015/BGTVT	6307.20.00	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 04/2015/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74 LSA Code	Cắt giảm
28	Đèn tự phát sáng của phao tròn	QCVN 42:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT	94.05	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74 LSA Code	Cắt giảm
29	Thiết bị chỉ báo vòng quay và chiều quay chân vịt	QCVN 42:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT TCVN 6278:2003	90.29	TT 11/2016/TT-BGTVT TT 71/2015/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74	Cắt giảm
30	Thiết bị chỉ báo tốc độ quay trở của tàu				Cắt giảm

Ghi chú: *Các từ viết tắt trong Phụ lục này được hiểu như sau: TT: Thông tư; TCVN: Tiêu chuẩn quốc gia; QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật; LSA: Trang bị cứu sinh.*